

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐA
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 06/2018/HS-ST.

Ngày: 24-01-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Lân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Bà Nguyễn Thị Mai.

2, Bà Trần Thị Đông.

Thư ký phiên tòa: Ông Thịnh Quang Thắng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐA, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐA, Thành phố Hà Nội: Bà Dương Thị Hiệp, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 24 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện ĐA, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 03/2018/HS-ST ngày 10/01/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **PHẠM VĂN A (tức Bé)**, sinh năm 1990. ĐKKHKT: Thôn 1, xã VP, huyện NG, tỉnh HD; Nơi ở: Lang thang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Phạm Văn Y (sn1962); Con bà Phạm Thị D (sn1966); Có vợ là Trương Thị T (sn1994); Theo Danh bản, chỉ bản số 470 lập ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Công an huyện ĐA, bị cáo có 02 tiền án: Ngày 10/02/2009, Tòa án nhân dân thành phố HD, tỉnh HD xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (đã được xóa án tích); Ngày 28/7/2015, Tòa án nhân dân huyện thành phố HD, tỉnh HD xử phạt 14 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, ngày 22/6/2016 chấp hành xong án phạt tù về địa phương (chưa được xóa án tích); Tạm giữ: Từ ngày 06/11/2017 đến ngày 12/11/2017; Tạm giam: Từ ngày 12/11/2017. Có mặt.

*** Người bị hại:** Chị Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm 1975, HKTT: Ngõ 389/70, Tổ 44, phường DVH, quận CG, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn A (tức Bé) có tiền án về tội Trộm cắp tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lang thang tìm sơ hở của người khác để trộm cắp tài sản.

Ngày 04/11/2017, Phạm Văn A đến thôn B, xã KC, huyện ĐA, Hà Nội chơi game, đặt thẻ căn cước công dân làm thủ tục thuê phòng 302 của nhà nghỉ “ML”, địa chỉ: Thôn B, xã KC do chị Nguyễn Thị Hồng M (sn1975, HKTT: Ngõ 389/70, Tổ 44, phường DVH, quận CG, Hà Nội) làm chủ đề nghỉ. Khoảng 18h00’ ngày 05/11/2017, sau khi đi chơi game về, Phạm Văn A về nhà nghỉ “ML” nghỉ. Đến khoảng 06h40’ ngày 06/11/2017, A ngủ dậy, đi xuống tầng 1 đến quầy lễ tân, phát hiện không có người trông coi. Phạm Văn A vào quầy lễ tân trộm cắp chiếc điện thoại di động Oppo R7S, vỏ màu hồng, imei 1: 867934025194475, imei 2: 867934025194467, lắp sim thuê bao 01687063125, bên ngoài lắp vỏ ốp màu trắng của chị M để tại ngăn kéo quầy lễ tân rồi cất vào túi quần trước bên trái, đi lên phòng 302. Vào phòng 302, A tắt nguồn điện thoại rồi mang sang phòng 301 cất giấu dưới đệm giường ngủ (phòng 301 chưa có khách thuê, cửa phòng mở) để tránh bị phát hiện chờ thời cơ đem đi tiêu thụ. Việc Phạm Văn A trộm cắp điện thoại bị camera của nhà nghỉ ghi lại hình ảnh.

Khoảng 08h15’ cùng ngày, chị M vào quầy lễ tân phát hiện mất điện thoại nên nói với cháu Nguyễn Thùy L (sn1995, con gái chị M) bật camera của nhà nghỉ để xác định đối tượng trộm cắp. Phạm Văn A đứng tại quầy lễ tân, nghe thấy cuộc nói chuyện giữa chị M và cháu L nên gọi chị M đi lên tầng 3 nói chuyện. Trên tầng 3, A thừa nhận đã trộm cắp điện thoại tại quầy bar rồi sang phòng 301 lấy điện thoại trả cho chị M. Chị M nhận điện thoại rồi đến Đoàn Công an BTL thuộc Công an huyện ĐA trình báo sự việc.

Vật chứng tạm giữ:

- 01 điện thoại Oppo R7S, vỏ màu hồng, imei 1: 867934025194475, imei 2: 867934025194467, lắp sim thuê bao 01687063125, bên ngoài lắp vỏ ốp màu trắng;

- 01 USB nhãn hiệu kingston chứa đoạn video ghi lại hình ảnh Phạm Văn A trộm cắp tài sản;

- 01 thẻ căn cước công dân mang tên Phạm Văn A;

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện ĐA kết luận: 01 chiếc điện thoại, cùng sim và ốp điện thoại mà chị Nguyễn Thị Hồng M bị trộm cắp trị giá 3.500.000 đồng.

Đối với chiếc điện thoại di động bên ngoài lắp ốp màu trắng là tài sản của chị Nguyễn Thị Hồng M. Ngày 16/11/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra quyết định xử lý vật chứng, trao trả cho chị Mỹ. Sau khi nhận lại tài sản, chị M không yêu cầu bồi thường dân sự gì, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho Phạm Văn A.

Đối với thẻ căn cước công dân mang tên Phạm Văn A là giấy tờ cá nhân của bị cáo. Phạm Văn A đề nghị Cơ quan điều tra bàn giao cho vợ là chị Trương Thị T nhận để bảo quản. Ngày 26/12/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra quyết định xử lý vật chứng, trao trả thẻ căn cước công dân trên cho chị T.

Đối với 01 chiếc USB chứa video ghi lại hình ảnh Phạm Văn A trộm cắp tài sản, chị Mỹ không đề nghị lấy lại, chuyển Tòa án giải quyết theo thẩm quyền.

Tại phiên tòa, Phạm Văn A khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, xác định: Khoảng 06h40' ngày 06/11/2017, tại nhà nghỉ “ML” ở thôn B, xã KC, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội do chị Nguyễn Thị Hồng M làm chủ, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại di động Oppo R7S, có vỏ ốp màu hồng kèm theo sim điện thoại trị giá 3.500.000 đồng để tại ngăn kéo quây lễ tân của chị Nguyễn Thị Hồng M, thì bị chị M phát hiện trình báo cơ quan Công an giải quyết.

Bản cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện ĐA, Thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo Phạm Văn A (tức Bé) về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Khoảng 06h40' ngày 06/11/2017, tại nhà nghỉ “ML” ở thôn B, xã KC, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại di động Oppo R7S có vỏ ốp kèm theo sim điện thoại có trị giá tổng cộng 3.500.000 đồng, để tại ngăn kéo quây lễ tân của chị Nguyễn Thị Hồng M là chủ nhà nghỉ và bị phát hiện bắt giữ. Hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Khoản 1 Điều 138; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Phạm Văn A (tức Bé) từ 12 đến 15 tháng tù.

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 USB thu giữ của chị Nguyễn Thị Hồng M là vật chứng vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện ĐA, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐA, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Mặt khác, còn gây mất trật tự an ninh trong khu vực. Hành vi bị cáo lén lút trộm cắp chiếc điện thoại di động Oppo R7S của chị Nguyễn Thị Hồng M có trị giá 3.500.000 đồng đã vi phạm Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Bị cáo nhận thức được đầy đủ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng do tham lam tư lợi, ý

thức coi thường pháp luật, coi thường trật tự kỷ cương xã hội nên bị cáo đã phạm tội. Bản thân bị cáo năm 2009 đã bị đưa ra xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” đã được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học để sửa chữa sai lầm lại tiếp tục phạm tội, cho thấy bị cáo có nhân thân xấu. Bị cáo có 01 tiền án năm 2015, bị Tòa án nhân dân thành phố HD, tỉnh HD xử phạt 14 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” chưa được xóa án tích, lần phạm tội này của bị cáo được xác định là tái phạm. Vì vậy, mặc dù tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là cơ sở để áp dụng Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự mà bị cáo phải chịu, cũng cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo nói riêng và góp phần đấu tranh phòng ngừa chung.

[3]. Về phần dân sự: Chị Nguyễn Thị Hồng M khai: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo và 01 ốp lưng điện thoại cùng với sim thuê bao của chị bị Phạm Văn A chiếm đoạt có trị giá tổng cộng là 3.500.000 đồng. Ngày 16/11/2017, chị đã được Cơ quan điều tra trả lại tài sản không bị thiệt hại gì, nên chị không yêu cầu gì thêm.

Như vậy, về phần dân sự trong vụ án này Tòa án không phải giải quyết.

[4]. Về vật chứng: Đối với chiếc USB lưu video có hình ảnh Phạm Văn A trộm cắp tài sản, chị Nguyễn Thị Hồng M nộp cho cơ quan điều tra để phục vụ công tác điều tra là vật chứng vụ án và không có giá trị, chị M không đề nghị nhận lại tài sản nên được tịch thu tiêu hủy.

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo: **Phạm Văn A (tức Bé)** phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 138; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo: **PHẠM VĂN A (TỨC BÉ) 12** (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/11/2017.

- Về dân sự: Không phải giải quyết.

- Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm c khoản 1 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc USB có lưu video hình ảnh Phạm Văn A (tức Bé) trộm cắp tài sản. (Tình trạng vật chứng như trong biên bản

giao nhận giữa Công an huyện ĐA và Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐA ngày 10/01/2018).

- Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo Phạm Văn A (tức Bé) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị Nguyễn Thị Hồng M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hợp lệ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TANDTP. Hà Nội;
- VKSNDTP. Hà Nội;
- VKSND. huyện ĐA;
- Chi cục THADS. huyện ĐA;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Ngọc Lân

